ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NAM SÁCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC VỀ TRỢ CẤP HẰNG THÁNG BẢO TRỢ XÃ HỘI VÀ TRỢ CẤP HƯU TRÍ THÁNG 11 NĂM 2026

STT	Họ và tên	Thôn	Ngày tháng năm sinh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG			**1.639.730.000**	
I	**Trẻ em mồ côi, trẻ bị bỏ rơi dưới 4 tuổi (1.750.000 đồng/tháng)**			**1.750.000**	
1	Nguyễn Đức Tài	Nguyễn Quốc Trị	13/11/2025	1.750.000	
II	**Trẻ em mồ côi, trẻ bị bỏ rơi (825.000 đồng/tháng)**			**3.150.000**	
1	Trịnh Tuấn Anh	Mạc Thị Bưởi	06/3/2018	1.050.000	
2	Nguyễn Huy Hoàng	Hoàng Hanh	12/2019	1.050.000	
3	Phạm Hải Yến	Miếu Lãng	23/01/2013	1.050.000	
II.1	**Người CT cô đơn từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi (1.050.000 đồng/tháng)**			**3.150.000**	
1	Hoàng Thị Gái	Hoàng Hanh	10/2/1946	1.050.000	
2	Nguyễn Thị Hồng	Nhân Đào	02/6/1952	1.050.000	
3	Nguyễn Thị Côi	Phù Liễn	01/01/1947	1.050.000	
III.1	**Người từ đủ 80 tuổi trở lên (700.000 đồng/tháng)**			**266.400.000**	
1	Nguyễn Thị Thảo	Thượng Đáp	12/5/1945	740.000	
2	Nguyễn Văn Tình	Đồng Lạc	01/01/1951	740.000	
3	Trần Thị Gái	Thanh Lâm	19/08/1951	740.000	
4	Mạc Văn Định	Đông Phú	20/09/1951	740.000	
5	Nguyễn Văn Hùng	Nhân Lý	17/07/1951	740.000	
6	Phan Văn Vân	Nhân Lý	27/08/1951	740.000	
7	Trương Thị Bé	Nguyễn Quốc Trị	24/4/1945	740.000	
8	Nguyễn Văn Dưỡng	La Văn Cầu	08/4/1945	740.000	
9	Nguyễn Thị Xuân	Nhân Đào	01/01/1945	740.000	
10	Đỗ Thị Cúc	Nhân Hưng	01/01/1945	740.000	
11	Trần Thị Bẩy	La Xuyên	01/01/1945	740.000	
12	Vũ Quốc Hùng	Hoàng Hanh	23/3/1945	740.000	
13	Hoàng Thị Lãi	Nhân Đào	01/01/1945	740.000	
14	Nguyễn Đức Ngọc	Nguyễn Quốc Trị	30/01/1945	740.000	
15	Nguyễn Thị Thơm	Thượng Đáp	01/01/1945	740.000	
16	Nguyễn Thị Vững	Thượng Đáp	01/01/1945	740.000	
17	Nguyễn Hữu Liệu	La Văn Cầu	06/01/1945	740.000	
18	Nguyễn Thị Mơ	Thượng Đáp	01/01/1945	740.000	
19	Nguyễn Thị Nghiên	Đồn Bối	01/01/1945	740.000	
20	Vũ Huy Hoàng	Thượng Đáp	05/12/1944	740.000	
21	Kiều Thị Vấn	Thượng Đáp	01/01/1945	740.000	
22	Trần Văn Chỉ	Đồn Bối	1939	740.000	
23	Trần Thị Đót	Đồn Bối	1939	740.000	
24	Mai Trung Kiên	Đồn Bối	12/1939	740.000	
25	Trần Văn Chấn	Đồn Bối	1940	740.000	
26	Bùi Văn Chu	Đồn Bối	1940	740.000	
27	Nguyễn Thị Lưỡng	Đồn Bối	1940	740.000	
28	Bùi Thị Bối	Đồn Bối	1930	740.000	

STT	Họ và tên	Thôn	Ngày tháng năm sinh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
29	Nguyễn Thị Lâm	Đồn Bối	1933	740.000	
30	Nguyễn Thị Lạch	Đồn Bối	1933	740.000	
31	Vũ Văn Dược	Đồn Bối	11/1933	740.000	
32	Vũ Văn Đằng	Đồn Bối	01/7/1936	740.000	
33	Vũ Thị Thanh	Đồn Bối	1/1936	740.000	
34	Vũ Thị Hăng	Đồn Bối	1937	740.000	
35	Nguyễn Văn Bốn	Đồn Bối	1938	740.000	
36	Lê Thị Bảng	Đồn Bối	1938	740.000	
37	Bùi Thị Bồi	Đồn Bối	1938	740.000	
38	Bùi Văn Bục	Đồn Bối	01/02/1938	740.000	
39	Ngô Thị Thơm	Đồn Bối	1938	740.000	
40	Phạm Văn Thỉnh	Đồn Bối	1932	740.000	
41	Trần Văn Tân	Đồn Bối	02/1940	740.000	
42	Nguyễn Thị Sao	Đồn Bối	02/1940	740.000	
43	Vũ Thị Dịnh	Đồn Bối	01/1940	740.000	
44	Tạ Tấn Toản	Đụn	26/12/1940	740.000	
45	Lê Thị Nội	Đồn Bối	01/01/1942	740.000	
46	Nguyễn Thị Tuyên	Đồn Bối	1942	740.000	
47	Trần Thị Sỏi	Đồn Bối	01/01/1943	740.000	
48	Nguyễn Thị Tảo	Đồn Bối	01/01/1942	740.000	
49	Bùi Thị Kim	Đồn Bối	01/01/1936	740.000	
50	Phạm Thị Hiều	Đồn Bối	01/01/1942	740.000	
51	Đặng Thị Nhì	Đồn Bối	10/10/1941	740.000	
52	Nguyễn Thị Rẽ	Thượng Đáp	01/01/1944	740.000	
53	Lê Thị Tường	Thượng Đáp	01/01/1944	740.000	
54	Nguyễn Thị Xoè	Thượng Đáp	01/01/1943	740.000	
55	Nguyễn Thị Hồng	Thượng Đáp	01/01/1943	740.000	
56	Trần Thị Ngỏ	Đụn	23/7/1942	740.000	
57	Nguyễn Thị Hòe	Đụn	12/8/1941	740.000	
58	Nguyễn Thị Phúc	Đụn	01/01/1941	740.000	
59	Nguyễn Thị Huấn	Đụn	14/8/1932	740.000	
60	Vũ Thị Tý	Đụn	01/01/1932	740.000	
61	Nguyễn Thị Lẫm	Đụn	01/01/1934	740.000	
62	Nguyễn Thị Thơm	Đụn	01/01/1934	740.000	
63	Đỗ Thị Năm	Đụn	01/01/1936	740.000	
64	Nguyễn Thị Sói	Đụn	1937	740.000	
65	Nguyễn Xuân Thư	Đụn	27/8/1938	740.000	
66	Nguyễn Thị Tỵ	Đụn	01/01/1940	740.000	
67	Phan Thị Lượt	Đụn	05/5/1942	740.000	
68	Nguyễn Thị Nhuận	Đụn	17/5/1943	740.000	
69	Nguyễn Thị Tơ	Thượng Đáp	10/6/1942	740.000	
70	Nguyễn Thị Thuần	Thượng Đáp	10/10/1940	740.000	
71	Nguyễn Thị Khóa	Thượng Đáp	05/10/1940	740.000	
72	Nguyễn Thị Huệ	Thượng Đáp	02/1940	740.000	
73	Nguyễn Thị Rãnh	Thượng Đáp	1930	740.000	

STT	Họ và tên	Thôn	Ngày tháng năm sinh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
74	Nguyễn Thị Nhớn	Thượng Đáp	1930	740.000	
75	Nguyễn Thị Bảnh	Thượng Đáp	1930	740.000	
76	Nguyễn Thị Lượt	Thượng Đáp	1930	740.000	
77	Nguyễn Thị Bộn	Thượng Đáp	1931	740.000	
78	Nguyễn Huy Câu	Thượng Đáp	1931	740.000	
79	Vũ Thị Tòng	Thượng Đáp	1932	740.000	
80	Đỗ Huy Thấn	Thượng Đáp	1934	740.000	
81	Nguyễn Thị Dữa	Thượng Đáp	1935	740.000	
82	Nguyễn Thị Đọi	Thượng Đáp	1935	740.000	
83	Nguyễn Thị Nghê	Thượng Đáp	1935	740.000	
84	Nguyễn Thị Chạo	Thượng Đáp	1935	740.000	
85	Đỗ Thị Thính	Thượng Đáp	1936	740.000	
86	Nguyễn Thị Xếp	Thượng Đáp	1936	740.000	
87	Nguyễn Thị Nhàn	Thượng Đáp	1936	740.000	
88	Nguyễn Thị Năm	Thượng Đáp	1936	740.000	
89	Nguyễn Thị Chuyện	Thượng Đáp	1937	740.000	
90	Đoàn Thị Lượt	Thượng Đáp	1938	740.000	
91	Nguyễn Thị Dấm	Thượng Đáp	8/1938	740.000	
92	Nguyễn Thị Hảo	Thượng Đáp	1937	740.000	
93	Nguyễn Thị Góc	Thượng Đáp	1939	740.000	
94	Hoàng Thị Lịch	Thượng Đáp	21/02/1942	740.000	
95	Đỗ Thị Nhuận	Thượng Đáp	01/01/1942	740.000	
96	Nguyễn Huy Sơn	Thượng Đáp	04/4/1942	740.000	
97	Trần Văn Nhuận	Đồn Bối	4/1941	740.000	
98	Nguyễn Thị Nguyệt	Đồng Khê	11/5/1931	740.000	
99	Dương Thị Hòa	Đồng Khê	3/3/1940	740.000	
100	Phạm Thị Đận	Đồng Khê	12/8/1931	740.000	
101	Phạm Thị Gái	Đồng Khê	04/5/1932	740.000	
102	Vương Văn Bách	Đồng Khê	05/10/1934	740.000	
103	Nguyễn Thị Hòa	Đồng Khê	19/3/1935	740.000	
104	Phạm Ngọc Thuấn	Đồng Khê	3/02/1936	740.000	
105	Đoàn Thị Sinh	Đồng Khê	3/2/1937	740.000	
106	Phạm Thị Lương	Đồng Khê	13/4/1937	740.000	
107	Nguyễn Thị Vạn	Đồng Khê	01/01/1938	740.000	
108	Ngô Thị Bé	Hoàng Hanh	03/6/1944	740.000	
109	Nguyễn Thị Sinh	Hoàng Hanh	20/3/1934	740.000	
110	Lê Thị Xa	Hoàng Hanh	1934	740.000	
111	Nguyễn Văn Trác	Hoàng Hanh	1932	740.000	
112	Trần Thị Dậu	Nhân Hưng	01/03/1933	740.000	
113	Nguyễn Thị Tự	Hoàng Hanh	1934	740.000	
114	Nguyễn Thị Nghiên	Hoàng Hanh	1934	740.000	
115	Nguyễn Thị Gái	Hoàng Hanh	1936	740.000	
116	Trần Thị Hồng	Hoàng Hanh	1937	740.000	
117	Nguyễn Thị Thục	Hoàng Hanh	1939	740.000	
118	Trần Duy Phú	Hoàng Hanh	1938	740.000	

STT	Họ và tên	Thôn	Ngày tháng năm sinh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
119	Phạm Thành Long	Hoàng Hanh	1939	740.000	
120	Đỗ Thị Gái	Hoàng Hanh	1938	740.000	
121	Hoàng Thị Chư	Hoàng Hanh	10/8/1938	740.000	
122	Vũ Thị Ái	Hoàng Hanh	8/1938	740.000	
123	Phạm Thị Gái	Hoàng Hanh	2/1938	740.000	
124	Trần Thị Năm	Hoàng Hanh	1939	740.000	
125	Ngô Thị Síu	Hoàng Hanh	1940	740.000	
126	Vũ Văn Vá	Hoàng Hanh	01/01/1939	740.000	
127	Nguyễn Thị Hương	Hoàng Hanh	01/01/1943	740.000	
128	Nguyễn Thị Phu	Hoàng Hanh	5/1943	740.000	
129	Hoàng Kim Viên	Hoàng Hanh	01/5/1944	740.000	
130	Phạm Thị Phiệt	Nhân Đào	09/5/1944	740.000	
131	Bùi Hữu Đức	Hoàng Hanh	11/02/1944	740.000	
132	Nguyễn Trường Sinh	La Xuyên	27/01/1943	740.000	
133	Đặng Huy Thường	La Văn Cầu	03/03/1943	740.000	
134	Đặng Huy Đề	La Văn Cầu	02/02/1/1936	740.000	
135	Đặng Thị Gái	Nhân Hưng	13/09/1928	740.000	
136	Phạm Thị Hòa	La Văn Cầu	01/01/1931	740.000	
137	Đặng Thị Nhàn	La Văn Cầu	01/01/1933	740.000	
138	Nguyễn Thị Hoạt	La Văn Cầu	01/01/1937	740.000	
139	Phạm Thị Duệ	La Văn Cầu	05/3/1938	740.000	
140	Nguyễn Thị Nâng	La Văn Cầu	05/10/1938	740.000	
141	Đỗ Thị Đồng	La Văn Cầu	20/02/1940	740.000	
142	Vũ Đức Nhân	La Văn Cầu	12/7/1940	740.000	
143	Phạm Thị Sặt	La Văn Cầu	01/01/1941	740.000	
144	Trần Thị Nam	La Văn Cầu	01/01/1941	740.000	
145	Nguyễn Duy Nhượng	Nguyễn Quốc Trị	01/01/1941	740.000	
146	Nguyễn Văn Tiến	Nguyễn Quốc Trị	30/10/1943	740.000	
147	Trịnh Thị Nhuần	Nhân Hưng	01/1941	740.000	
148	Đặng Thị Gũi	La Văn Cầu	01/01/1939	740.000	
149	Trần Văn Đông	Hoàng Hanh	1942	740.000	
150	Phạm Thị Tẹo	La Văn Cầu	01/1942	740.000	
151	Lương Văn Sứu	La Văn Cầu	01/01/1942	740.000	
152	Phạm Thị Vằn	La Xuyên	01/01/1937	740.000	
153	Vương Thị Thìn	La Xuyên	01/01/1928	740.000	
154	Phan Thị Thông	La Xuyên	01/01/1931	740.000	
155	Nguyễn Văn Năng	La Xuyên	15/10/1933	740.000	
156	Hoàng Thị Sáu	La Xuyên	01/3/1935	740.000	
157	Lê Thị Lựu	La Xuyên	08/10/1936	740.000	
158	Lê Quang Thuận	La Xuyên	10/8/1941	740.000	
159	Đặng Đình Tình	Mạc Thị Bưởi	11691	740.000	
160	Đặng Đình Tấn	Mạc Thị Bưởi	12/02/1935	740.000	
161	Phạm Thị Lựu	Nguyễn Quốc Trị	01/01/1929	740.000	
162	Đoàn Thị Mấm	Nguyễn Quốc Trị	04/8/1933	740.000	
163	Đỗ Thị Hòe	Nguyễn Quốc Trị	01/01/1938	740.000	

STT	Họ và tên	Thôn	Ngày tháng năm sinh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
164	Nguyễn Thị Xâm	Nguyễn Văn Trỗi	1940	740.000	
165	Hoàng Thị Thúy	Nguyễn Văn Trỗi	9/1939	740.000	
166	Nguyễn Sỹ Thanh	Nguyễn Văn Trỗi	1939	740.000	
167	Nguyễn Thị Khánh	Nguyễn Văn Trỗi	03/7/1934	740.000	
168	Trần Thị Phú	Nguyễn Quốc Trị	01/10/1941	740.000	
169	Lương Văn Lại	Nhân Đào	22/9/1941	740.000	
170	Nguyễn Hữu Phụng	Nhân Đào	15/4/1940	740.000	
171	Nguyễn Văn Đoài	Nhân Đào	01/3/1930	740.000	
172	Nguyễn Thị Hảo	Nhân Đào	20/11/1927	740.000	
173	Phạm Thị Tư	Nhân Đào	10/3/1933	740.000	
174	Nguyễn Thị Nhu	La Văn Cầu	01/01/1933	740.000	
175	Lương Thị Hợi	Nhân Đào	01/01/1933	740.000	
176	Nguyễn Thị Lành	Nhân Đào	01/01/1935	740.000	
177	Phạm Văn Tín	Nhân Đào	01/01/1935	740.000	
178	Nguyễn Thị Tơ	Nhân Đào	01/01/1937	740.000	
179	Vũ Thị Trải	Nhân Đào	01/01/1938	740.000	
180	Trần Thị Thành	Nhân Đào	7/3/1938	740.000	
181	Nguyễn Thị Gái	Nhân Hưng	01/01/1939	740.000	
182	Phạm Văn Điểm	Nhân Hưng	01/01/1927	740.000	
183	Phạm Ngọc Phụ	Nhân Hưng	10/02/1929	740.000	
184	Phạm Thị Ngoan	Nhân Hưng	01/01/1930	740.000	
185	Nguyễn Thị Nhì	Nhân Hưng	01/01/1935	740.000	
186	Phạm Thị Tỳ	Nhân Hưng	11/7/1936	740.000	
187	Trần Thị Xuyền	Nhân Hưng	10/7/1935	740.000	
188	Phạm Thị Chọn	Nhân Hưng	10/8/1937	740.000	
189	Nguyễn Thị Vị	Nhân Hưng	01/01/1938	740.000	
190	Phạm Quang Phùng	Nhân Hưng	12/11/1940	740.000	
191	Phạm Thị Hòe	Nhân Hưng	15/02/1942	740.000	
192	Trần Thị Tần	La Văn Cầu	11/5/1941	740.000	
193	Nguyễn Thị Sánh	Cẩm La	04/5/1934	740.000	
194	Trần Thị Ngát	Nhân Lễ	10/6/1945	740.000	
195	Vương Thị Sánh	Miếu Lãng	12/4/1945	740.000	
196	Mạc Văn Hợi	Miếu Lãng	20/01/1945	740.000	
197	Nguyễn Thị Nghiên	Trâm Kiều	08/02/1945	740.000	
198	Ngô Thị Síu	Hảo Quan	01/01/1945	740.000	
199	Phạm Duy Ngợi	Nham Cáp	04/01/1945	740.000	
200	Phạm Văn Đông	Cẩm La	10/3/1934	740.000	
201	Mạc Thị Tư	Cẩm La	10/02/1935	740.000	
202	Lê Thị Tán	Cẩm La	10/10/1935	740.000	
203	Hoàng Thị Định	Cẩm La	10/1938	740.000	
204	Trần Thị Lưu	Cẩm La	7/3/1940	740.000	
205	Nguyễn Thị Thuận	Cẩm La	07/05/1944	740.000	
206	Đoàn Thị Vinh	Đông Duệ	01/01/1939	740.000	
207	Đỗ Thị Thìn	Đông Duệ	05/01/1939	740.000	

STT	Họ và tên	Thôn	Ngày tháng năm sinh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
208	Trần Thị Tộ	Đông Duệ	01/01/1931	740.000	
209	Phạm Thị Ngát	Đông Duệ	01/01/1932	740.000	
210	Đào Thị Gái	Đông Duệ	01/02/1933	740.000	
211	Đào Quang Khải	Đông Duệ	10/10/1936	740.000	
212	Trần Xuân Hạnh	Đông Duệ	01/8/1938	740.000	
213	Nguyễn Thị Tuyết	Đông Phan	05/10/1942	740.000	
214	Bùi Thị Ngoan	Đông Phan	20/8/1940	740.000	
215	Mạc Thị Sắc	Đông Phan	21/03/1942	740.000	
216	Trịnh Thị Khuy	Đông Phan	04/02/1940	740.000	
217	Trịnh Thị Nhạn	Đông Phan	13/7/1941	740.000	
218	Lê Thị Nhiễu	Đông Phan	20/8/1942	740.000	
219	Lê Thị Lư	Đông Phan	15/4/1944	740.000	
220	Đỗ Thị Ngọ	Đông Phan	06/04/1942	740.000	
221	Lê Thị Tặng	Đông Phan	05/02/1944	740.000	
222	Trần Văn Bảo	Hảo Quan	10/8/1942	740.000	
223	Phạm Thị Găng	Hảo Quan	16/7/1942	740.000	
224	Trần Thị Quyến	Hảo Quan	20/01/1941	740.000	
225	Phạm Văn Cán	Hảo Quan	23/7/1941	740.000	
226	Nguyễn Thị Bích Huệ	Hảo Quan	15/9/1942	740.000	
227	Phạm Thị Kữu	Hảo Quan	01/01/1942	740.000	
228	Mạc Thị Đã	Hảo Thôn	10/1938	740.000	
229	Vương Thành Đức	Miếu Lãng	01/10/1942	740.000	
230	Mạc Văn Ánh	Miếu Lãng	20/12/1940	740.000	
231	Phạm Văn Tám	Miếu Lãng	01/01/1939	740.000	
232	Phan Thị Quý	Miếu Lãng	20/10/1939	740.000	
233	Phan Văn Thành	Miếu Lãng	01/3/1922	740.000	
234	Mạc Văn Cựu	Miếu Lãng	19/5/1930	740.000	
235	Nguyễn Thị Nhỡ	Miếu Lãng	05/7/1932	740.000	
236	Phạm Thị Bằng	Miếu Lãng	30/6/1933	740.000	
237	Mạc Thị Tước	Miếu Lãng	21/11/1934	740.000	
238	Phan Văn Bình	Miếu Lãng	08/3/1943	740.000	
239	Mạc Đăng Lung	Miếu Lãng	4/1943	740.000	
240	Phan Thị Ngọn	Miếu Lãng	01/01/1935	740.000	
241	Phan Thị Duyên	Miếu Lãng	01/01/1935	740.000	
242	Nguyễn Thị Hợp	Miếu Lãng	01/6/1938	740.000	
243	Phan Văn Xưa	Miếu Lãng	01/01/1936	740.000	
244	Nguyễn Thị Vân	Miếu Lãng	8/8/1937	740.000	
245	Vương Thị Ngảnh	Miếu Lãng	01/01/1938	740.000	
246	Mạc Thị Gái	Miếu Lãng	01/01/1938	740.000	
247	Lê Thị Khoản	Miếu Lãng	04/3/1938	740.000	
248	Mạc Thị Khe	Miếu Lãng	21/01/1940	740.000	
249	Mạc Văn Thức	Miếu Lãng	1940	740.000	
250	Mạc Thị Xuân	Miếu Lãng	14/03/1942	740.000	
251	Đào Thị Đầm	Miếu Lãng	20/5/1942	740.000	
252	Phan Thị Nhàng	Miếu Lãng	16/6/1942	740.000	

STT	Họ và tên	Thôn	Ngày tháng năm sinh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
253	Lê Thị Cử	Miếu Lãng	01/01/1942	740.000	
254	Phạm Thị Tơ	Nham Cáp	01/01/1940	740.000	
255	Phạm Thị Lụa	Nham Cáp	01/01/1940	740.000	
256	Vũ Thị Liêm	Nham Cáp	05/10/1938	740.000	
257	Phạm Văn Biên	Nham Cáp	05/02/1937	740.000	
258	Phạm Thị Thông	Nham Cáp	04/3/1933	740.000	
259	Phạm Thị Ty	Nham Cáp	01/10/1936	740.000	
260	Nguyễn Thị Ngải	Nham Cáp	05/8/1941	740.000	
261	Nguyễn Thị Lề	Nham Cáp	01/01/1942	740.000	
262	Nguyễn Đức Chu	Nhân Lễ	10/10/1941	740.000	
263	Vũ Thị Hướng	Nhân Lễ	1931	740.000	
264	Phạm Thị Lộc	Nhân Lễ	1932	740.000	
265	Nguyễn Thị Kha	Nhân Lễ	3/1934	740.000	
266	Phạm Thị Huệ	Nhân Lễ	10/08/1936	740.000	
267	Nguyễn Thị Thêu	Quan Đình	01/01/1939	740.000	
268	Phạm Thị Cừu	Quan Đình	02/9/1931	740.000	
269	Trần Quang Đỗng	Quan Đình	01/7/1935	740.000	
270	Phạm Thị Ngào	Quan Đình	01/01/1938	740.000	
271	Nguyễn Thị An	Tháp Phan	01/01/1929	740.000	
272	Bùi Thị Vịt	Tháp Phan	05/02/1931	740.000	
273	Mạc Thị Sử	Tháp Phan	07/10/1931	740.000	
274	Đào Thị Xáp	Tháp Phan	05/7/1932	740.000	
275	Lê Thị Phách	Tháp Phan	04/5/1933	740.000	
276	Lê Thị Uyên	Tháp Phan	01/01/1935	740.000	
277	Đào Xuân Ngạnh	Tháp Phan	03/02/1936	740.000	
278	Lê Thị Liên	Tháp Phan	15/3/1936	740.000	
279	Phạm Thị Bi	Tháp Phan	02/8/1938	740.000	
280	Đào Thị Ngăn	Tháp Phan	07/5/1939	740.000	
281	Phạm Thị Thanh	Trâm Kiều	20/4/1943	740.000	
282	Đỗ Thị Nhận	Trâm Kiều	01/01/1941	740.000	
283	Đoàn Thị Thắm	Trâm Kiều	26/12/1942	740.000	
284	Lê Thị Đĩnh	Trâm Kiều	01/01/1933	740.000	
285	Phạm Thị Nguyễn	Trâm Kiều	01/01/1939	740.000	
286	Đào Thị Hồ	Trâm Kiều	01/01/1939	740.000	
287	Nguyễn Thị Nhâm	Trâm Kiều	02/3/1939	740.000	
288	Nguyễn Thị Ngát	Trâm Kiều	25/6/1938	740.000	
289	Phạm Thị Hoan	Trâm Kiều	3/1935	740.000	
290	Đoàn Thị Lượt	Trâm Kiều	01/01/1936	740.000	
291	Hoàng Thị Phái	Trâm Kiều	02/10/1925	740.000	
292	Đoàn Minh Hoạt	Trâm Kiều	10/12/1936	740.000	
293	Nguyễn Thị Lài	Trâm Kiều	20/10/1938	740.000	
294	Phạm Thị Thu	Trâm Kiều	5/1941	740.000	
295	Đoàn Văn Bùn	Trúc Khê	01/01/1928	740.000	
296	Hồ Thị Mai	Trúc Khê	01/01/1942	740.000	

STT	Họ và tên	Thôn	Ngày tháng năm sinh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
297	Nguyễn Ngọc Quyến	Trúc Khê	04/4/1940	740.000	
298	Bùi Thị Năm	Trúc Khê	01/01/1939	740.000	
299	Phạm Thị Tý	Trúc Khê	01/01/1939	740.000	
300	Phạm Thị Đa	Trúc Khê	20/6/1938	740.000	
301	Lê Thị Lộc	Trúc Khê	01/01/1930	740.000	
302	Phạm Thị Thiết	Trúc Khê	01/01/1937	740.000	
303	Trần Thị Lại	Trúc Khê	01/01/1938	740.000	
304	Ngô Thị Sửu	Đoàn Kết	01/01/1930	740.000	
305	Nguyễn Xuân Thại	Phù Liễn	14/4/1945	740.000	
306	Nguyễn Anh Đức	Vạn Tải Đông	10/01/1945	740.000	
307	Nguyễn Thị Xim	Phù Liễn	01/01/1945	740.000	
308	Nguyễn Thị Hải	Vạn Tải Đông	01/02/1945	740.000	
309	Nguyễn Thị Nhâm	Đoàn Kết	01/01/1934	740.000	
310	Nguyễn Thị Cúc	Đoàn Kết	01/01/1934	740.000	
311	Trần Thị Hải	Đoàn Kết	01/01/1935	740.000	
312	Nguyễn Thị Kiến	Đoàn Kết	01/01/1936	740.000	
313	Lê Thị Nhan	Đoàn Kết	01/01/1928	740.000	
314	Nguyễn Thị Dung	Đoàn Kết	01/01/1937	740.000	
315	Lê Thị Mỹ	Đoàn Kết	01/01/1938	740.000	
316	Nguyễn Thị Mão	Đoàn Kết	01/01/1941	740.000	
317	Cao Thị Ngân	Đoàn Kết	10/01/1944	740.000	
318	Hoàng Thị Là	Vạn Tải Đông	01/01/1941	740.000	
319	Nguyễn Thị Cháp	Vạn Tải Tây	01/01/1941	740.000	
320	Trần Thị Điền	Nam Khê	14046	740.000	
321	Vương Văn Lành	Nam Khê	01/01/1940	740.000	
322	Nguyễn Thị Chuốt	Nam Khê	02/01/1940	740.000	
323	Nguyễn Thị Đẫm	Nam Khê	01/01/1940	740.000	
324	Nguyễn Thị Cốc	Nam Khê	24/5/1943	740.000	
325	Trần Thị Sự	Vạn Tải Đông	14/5/1943	740.000	
326	Đặng Thị Xuân	Nam Khê	28/02/1943	740.000	
327	Nguyễn Thị Tích	Nam Khê	13/12/1940	740.000	
328	Nguyễn Xuân Hành	Phù Liễn	10/11/1944	740.000	
329	Nguyễn Văn Đảng	Phù Liễn	17/7/1940	740.000	
330	Hoàng Thị Liên	Phù Liễn	1937	740.000	
331	Nguyễn Thị Viễn	Phù Liễn	01/01/1930	740.000	
332	Nguyễn Thị Thắng	Phù Liễn	06/3/1935	740.000	
333	Nguyễn Thị Khéo	Phù Liễn	10/02/1936	740.000	
334	Phan Lạc Nghiệp	Phù Liễn	10/3/1941	740.000	
335	Đặng Thị Thái	Phù Liễn	01/01/1942	740.000	
336	Nguyễn Văn Mỹ	Phù Liễn	01/01/1942	740.000	
337	Nguyễn Thị Lùn	Vạn Tải Đông	01/01/1932	740.000	
338	Nguyễn Thị Môn	Vạn Tải	1932	740.000	
339	Nguyễn Thị Dậng	Vạn Tải Tây	01/01/1934	740.000	
340	Nguyễn Thị Miễn	Vạn Tải Tây	05/3/1936	740.000	
341	Đặng Thị Vinh	Vạn Tải Tây	12/9/1940	740.000	

STT	Họ và tên	Thôn	Ngày tháng năm sinh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
342	Nguyễn Huy Diệm	Vạn Tải Đông	12/10/1942	740.000	
343	Nguyễn Thị Hồng	Vạn Tải Đông	12/10/1942	740.000	
344	Nguyễn Thị The	Vạn Tải Đông	01/01/1931	740.000	
345	Nguyễn Thị Lợi	Vạn Tải Đông	01/01/1938	740.000	
346	Nguyễn Thị Khánh	Vạn Tải Đông	17/6/1928	740.000	
347	Nguyễn Trung Thụ	Vạn Tải Đông	01/8/1938	740.000	
348	Nguyễn Thị Giếng	Vạn Tải Đông	12/7/1928	740.000	
349	Hoàng Thị Dỗ	Vạn Tải Đông	01/01/1937	740.000	
350	Hoàng Thị Diệc	Vạn Tải Tây	17/7/1943	740.000	
351	Nguyễn Thị Nhai	Vạn Tải Tây	04/04/1944	740.000	
352	Nguyễn Kim Lãi	Vạn Tải Tây	12/8/1941	740.000	
353	Nguyễn Thị Ngám	Vạn Tải Tây	01/01/1939	740.000	
354	Nguyễn Quốc Ninh	Vạn Tải Tây	01/02/1940	740.000	
355	Nguyễn Quốc Song	Vạn Tải Tây	22/12/1939	740.000	
356	Nguyễn Thị Vợi	Vạn Tải Tây	25/12/1939	740.000	
357	Nguyễn Thị Thuần	Vạn Tải Tây	25/10/1927	740.000	
358	Nguyễn Thị Chai	Vạn Tải Tây	01/01/1927	740.000	
359	Nguyễn Thị Bún	Vạn Tải Tây	01/01/1931	740.000	
360	Hoàng Thị Dự	Vạn Tải Tây	01/01/1936	740.000	
III.2	**Người từ đủ 75 tuổi trở lên (500.000 đồng/tháng)**			**348.540.000**	
1	Phạm Thị Hiền	Thượng Đáp	10/4/1947	740.000	
2	Vũ Chí Thanh	Thượng Đáp	07/9/1947	740.000	
3	Nguyễn Thị Khánh	Thượng Đáp	18/12/1949	740.000	
4	Phạm Thị Luyến	Thượng Đáp	01/01/1948	740.000	
5	Đỗ Thị Mắc	Thượng Đáp	09/9/1948	740.000	
6	Nguyễn Huy Nguyên	Thượng Đáp	10/10/1949	740.000	
7	Đặng Thị Thịnh	La Văn Cầu	01/01/1948	740.000	
8	Nguyễn Thị Minh	Thượng Đáp	04/4/1950	740.000	
9	Nguyễn Duy Bình	Thượng Đáp	11/11/1947	740.000	
10	Đỗ Thị Quây	Thượng Đáp	10/6/1947	740.000	
11	Phạm Thị Đam	Hảo Quan	01/01/1949	740.000	
12	Nguyễn Sĩ Nhàng	Thượng Đáp	01/01/1946	740.000	
13	Nguyễn Thị Tuyết	Thượng Đáp	23/10/1949	740.000	
14	Đỗ Huy Chiến	Thượng Đáp	15/8/1948	740.000	
15	Đào Thị Giả	Hảo Quan	01/01/1949	740.000	
16	Phạm Văn Chư	Hảo Quan	20/3/1947	740.000	
17	Nguyễn Thị Hòa	Hảo Quan	10/3/1950	740.000	
18	Vũ Văn Chăm	Thượng Đáp	01/3/1946	740.000	
19	Vũ Thị Hợi	Hảo Quan	02/10/1948	740.000	
20	Phạm Thị Lựu	Hảo Quan	01/01/1948	740.000	
21	Nguyễn Thị Lưu	Hảo Quan	01/01/1947	740.000	
22	Phạm Thị Đỏ	Hảo Quan	04/5/1947	740.000	
23	Phạm Văn Nhật	Hảo Quan	07/8/1947	740.000	
24	Dương Thị Nguyên	Hảo Quan	20/3/1948	740.000	
25	Nguyễn Bá Nền	Thượng Đáp	26/01/1949	740.000	

STT	Họ và tên	Thôn	Ngày tháng năm sinh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
26	Nguyễn Duy Lia	Thượng Đáp	01/01/1948	740.000	
27	Vũ Thị Vẻ	Hảo Quan	01/01/1950	740.000	
28	Phạm Văn Ngọc	Nhân Hưng	21/5/1948	740.000	
29	Phạm Lương Ngọc	La Văn Cầu	26/7/1946	740.000	
30	Lưu Thị Hồng Thơm	La Văn Cầu	14/5/1947	740.000	
31	Nguyễn Quang Bình	La Văn Cầu	20/10/1949	740.000	
32	Phạm Thị Hồng	Hoàng Hanh	15/7/1947	740.000	
33	Nguyễn Thị Lứa	Hoàng Hanh	10/10/1948	740.000	
34	Cao Thị Thanh	La Văn Cầu	01/01/1949	740.000	
35	Chu Thị Dần	La Văn Cầu	08/01/1950	740.000	
36	Nguyễn Tư Phú	La Văn Cầu	20/8/1949	740.000	
37	Nguyễn Thị Vân	Hoàng Hanh	05/3/1949	740.000	
38	Trần Đức Nhân	La Văn Cầu	09/9/1945	740.000	
39	Nguyễn Thị Cư	La Văn Cầu	20/02/1950	740.000	
40	Phạm Văn Hải	La Văn Cầu	22/12/1948	740.000	
41	Vương Thị Nhung	Hoàng Hanh	10/01/1948	740.000	
42	Trần Quang Đạo	La Văn Cầu	01/8/1947	740.000	
43	Nguyễn Thị Bảo	Hoàng Hanh	15/4/1949	740.000	
44	Trần Kim Quang	Hoàng Hanh	20/4/1949	740.000	
45	Đỗ Thị Làn	Hoàng Hanh	04/01/1949	740.000	
46	Lê Thị Lượng	La Văn Cầu	02/8/1946	740.000	
47	Đặng Đình Quỳnh	La Văn Cầu	10/5/1950	740.000	
48	Nguyễn Văn Linh	Hoàng Hanh	07/4/1948	740.000	
49	Đặng Thị Dung	La Văn Cầu	22/6/1950	740.000	
50	Đặng Huy Thanh	La Văn Cầu	07/5/1946	740.000	
51	Trần Kim Thuận	Hoàng Hanh	24/5/1948	740.000	
52	Đặng Thị Thái	Hoàng Hanh	13/6/1950	740.000	
53	Nguyễn Văn Phú	Hoàng Hanh	01/01/1950	740.000	
54	Hoàng Thị Soạn	La Văn Cầu	18/8/1946	740.000	
55	Phạm Thị Năm	La Văn Cầu	01/01/1947	740.000	
56	Nguyễn Huy Phức	Thượng Đáp	25/7/1950	740.000	
57	Đặng Thị Nhí	La Văn Cầu	01/01/1950	740.000	
58	Nguyễn Huy Cọ	Thượng Đáp	13/8/1946	740.000	
59	Trần Đắc Vinh	La Văn Cầu	24/02/1949	740.000	
60	Phạm Thị Mùi	Hoàng Hanh	12/01/1950	740.000	
61	Bùi Thị Dung	Hoàng Hanh	05/5/1948	740.000	
62	Trần Thị Lưu	Hoàng Hanh	15/01/1950	740.000	
63	Ngô Thị Nga	La Văn Cầu	25/5/1950	740.000	
64	Phạm Quang Ngân	Đồng Khê	14/01/1949	740.000	
65	Nguyễn Văn Thuyên	Đồng Khê	08/8/1949	740.000	
66	Phạm Như Quỳnh	Đồng Khê	14/01/1950	740.000	
67	Đoàn Văn Nhu	Đồng Khê	02/02/1947	740.000	
68	Nguyễn Văn Quý	Vạn Tải Tây	27/5/1950	740.000	
69	Trần Thị Khái	Vạn Tải Tây	01/01/1950	740.000	

STT	Họ và tên	Thôn	Ngày tháng năm sinh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
70	Nguyễn Hữu Bộ	Vạn Tải Tây	20/01/1948	740.000	
71	Đoàn Mạnh Cường	Trâm Kiều	25/5/1946	740.000	
72	Phạm Thị Lịch	Đồng Khê	13/7/1947	740.000	
73	Phạm Thị Tâm	Đồng Khê	28/3/1949	740.000	
74	Phạm Thị Thắng	Đồng Khê	10/3/1945	740.000	
75	Phạm Thị Ỏi	Đồng Khê	02/4/1950	740.000	
76	Phạm Duy Hinh	Đồng Khê	10/11/1949	740.000	
77	Đoàn Văn Sửu	Đồng Khê	25/4/1948	740.000	
78	Phạm Thị Thuận	Đồng Khê	12/02/1948	740.000	
79	Nguyễn Văn Thu	Đồng Khê	05/5/1946	740.000	
80	Trần Thị Quế	Đồng Khê	20/6/1950	740.000	
81	Đoàn Thế Huệ	Thượng Đáp	20/9/1948	740.000	
82	Nguyễn Kim Lương	Vạn Tải Tây	04/7/1949	740.000	
83	Lê Thị Lan	Đồng Khê	10/02/1947	740.000	
84	Bùi Thị Luyến	Đồng Khê	12/3/1948	740.000	
85	Phạm Văn Điền	Đồng Khê	11/10/1949	740.000	
86	Nguyễn Thị Chắt	Trâm Kiều	16/8/1947	740.000	
87	Nguyễn Thị Hoa	Trúc Khê	01/01/1950	740.000	
88	Nguyễn Xuân Diên	Nguyễn Văn Trỗi	28/01/1950	740.000	
89	Nguyễn Thị Thoan	Vạn Tải Tây	27/02/1948	740.000	
90	Nguyễn Thị Bắc	Nam Khê	28/4/1949	740.000	
91	Trần Thị Thúy Nga	Thượng Đáp	01/4/1948	740.000	
92	Đoàn Thị Quyết	Nam Khê	06/3/1946	740.000	
93	Nguyễn Thị The	Thượng Đáp	21/12/1949	740.000	
94	Nguyễn Huy Tiến	Thượng Đáp	20/8/1948	740.000	
95	Phạm Minh Tạo	Trúc Khê	03/02/1944	740.000	
96	Phạm Thị Lâm	Miếu Lãng	14/4/1948	740.000	
97	Nguyễn Thị Hiền	Trúc Khê	25/7/1947	740.000	
98	Phan Quốc Trị	Hảo Quan	01/4/1947	740.000	
99	Trần Tiến Hoạch	Hảo Quan	02/5/1949	740.000	
100	Phạm Quang Thịnh	Hoàng Hanh	02/12/1948	740.000	
101	Lưu Văn Khang	Trúc Khê	01/01/1950	740.000	
102	Nguyễn Mạnh Hiền	Nhân Đào	03/5/1950	740.000	
103	Nguyễn Thị Miên	Nhân Đào	17/01/1950	740.000	
104	Trần Thế Quyết	Nhân Đào	04/01/1950	740.000	
105	Nguyễn Thị Vựa	Nhân Đào	17/5/1949	740.000	
106	Nguyễn Thị Mơ	Nhân Đào	03/02/1950	740.000	
107	Nguyễn Thị Hữu	Nguyễn Văn Trỗi	08/02/1948	740.000	
108	Nguyễn Thị Thẩm	Nguyễn Văn Trỗi	02/01/1947	740.000	
109	Nguyễn Văn Hòa	Nguyễn Văn Trỗi	01/01/1948	740.000	
110	Kiều Thị Pháo	Nguyễn Văn Trỗi	04/6/1946	740.000	
111	Phạm Văn Thiệp	Nhân Đào	01/01/1950	740.000	
112	Nguyễn Thị Bắc	Nhân Đào	24/7/1950	740.000	
113	Đoàn Thị Tản	Nhân Đào	24/9/1949	740.000	
114	Nguyễn Thị Chúc	Nhân Đào	09/10/1949	740.000	

STT	Họ và tên	Thôn	Ngày tháng năm sinh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
115	Nguyễn Thị Thủy	Trâm Kiều	27/4/1949	740.000	
116	Vũ Thị Nhẹ	Nhân Đào	10/8/1949	740.000	
117	Nguyễn Văn Tuyết	Nhân Đào	22/9/1948	740.000	
118	Trần Thị Tiến	Nhân Đào	22/5/1949	740.000	
119	Vũ Xuân Mễ	Nhân Đào	07/8/1948	740.000	
120	Nguyễn Thị Vinh	Nhân Đào	10/5/1948	740.000	
121	Nguyễn Ngọc Ước	Nguyễn Văn Trỗi	12/6/1950	740.000	
122	Phạm Minh Hiền	Nguyễn Quốc Trị	22/5/1948	740.000	
123	Trần Duy Tuân	Nguyễn Quốc Trị	02/01/1947	740.000	
124	Phùng Đạo Ngọc	Nguyễn Quốc Trị	29/10/1948	740.000	
125	Trần Duy Sơn	Nguyễn Quốc Trị	27/4/1950	740.000	
126	Nguyễn Thị Hải	Nhân Đào	01/4/1950	740.000	
127	Nguyễn Đức Hùng	Nguyễn Quốc Trị	10/10/1949	740.000	
128	Nguyễn Thị Tâm	Nguyễn Quốc Trị	15/10/1947	740.000	
129	Nguyễn Huy Chuân	Nguyễn Quốc Trị	17/5/1950	740.000	
130	Nguyễn Đức Lâm	Nguyễn Quốc Trị	06/6/1947	740.000	
131	Vũ Thị Loan	Nguyễn Quốc Trị	01/12/1949	740.000	
132	Nguyễn Thị Nam	Nguyễn Quốc Trị	01/02/1948	740.000	
133	Phạm Thị Tê	Nhân Hưng	01/01/1947	740.000	
134	Vương Thị Tâm	Nhân Hưng	05/9/1949	740.000	
135	Phạm Văn Tăng	Nhân Hưng	10/10/1948	740.000	
136	Phạm Ngọc Sơn	Nhân Hưng	18/4/1946	740.000	
137	Phạm Thị Quyên	Nhân Hưng	28/01/1949	740.000	
138	Nguyễn Thị Lý	Nhân Hưng	19/8/1949	740.000	
139	Bùi Quang Lại	Nhân Hưng	07/7/1949	740.000	
140	Hồ Thị Hợi	Nhân Hưng	12/4/1947	740.000	
141	Nguyễn Thị Chắn	Nhân Hưng	01/01/1949	740.000	
142	Đoàn Minh Châu	Nhân Hưng	20/6/1946	740.000	
143	Phạm Văn Ưu	Nhân Hưng	01/01/1947	740.000	
144	Phạm Thị My	Nhân Hưng	05/02/1950	740.000	
145	Lê Đức Kha	La Xuyên	27/7/1950	740.000	
146	Trịnh Đắc Đèn	La Xuyên	26/4/1947	740.000	
147	Nguyễn Thị Bưởi	La Xuyên	01/01/1950	740.000	
148	Nguyễn Thị Nghĩa	La Xuyên	23/02/1946	740.000	
149	Phan Thị Hòa	La Xuyên	20/6/1949	740.000	
150	Lê Thị Ngọc Bích	La Xuyên	06/05/1950	740.000	
151	Phạm Ngọc Quýnh	La Xuyên	25/5/1947	740.000	
152	Nguyễn Thị Nhuần	La Xuyên	01/02/1950	740.000	
153	Nguyễn Thị Bột	Trúc Khê	01/01/1949	740.000	
154	Trần Thị Mùi	Đồn Bối	28/11/1949	740.000	
155	Trần Thị Thu	Nham Cáp	01/01/1950	740.000	
156	Nguyễn Thị Liếc	Mạc Thị Bưởi	10/5/1950	740.000	
157	Đinh Văn Bình	Đoàn Kết	01/01/1950	740.000	
158	Bùi Thị Mừng	Đồn Bối	17/10/1948	740.000	
159	Phạm Thị Xây	Đụn	01/01/1949	740.000	

STT	Họ và tên	Thôn	Ngày tháng năm sinh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
160	Phạm Thị Đăng	Nguyễn Văn Trỗi	09/7/1948	740.000	
161	Nguyễn Hữu Thiệp	Đụn	10/6/1949	740.000	
162	Đặng Huy Uông	Mạc Thị Bưởi	15/7/1949	740.000	
163	Bùi Thị Gai	Đồn Bối	01/01/1948	740.000	
164	Nguyễn Thị Hiền	Cẩm La	10/12/1950	740.000	
165	Nguyễn Mạnh Giao	La Văn Cầu	08/4/1947	740.000	
166	Phạm Văn Ban	Nham Cáp	17/11/1946	740.000	
167	Nguyễn Văn Cử	Nham Cáp	01/01/1946	740.000	
168	Nguyễn Văn Đáo	Nhân Lễ	10/10/1947	740.000	
169	Đoàn Thị Dong	Nhân Lễ	05/8/1949	740.000	
170	Đặng Thị Thanh	Nham Cáp	20/10/1947	740.000	
171	Trần Thị Bấm	Đồn Bối	01/01/1948	740.000	
172	Vũ Văn Nguyệt	Đồn Bối	01/01/1946	740.000	
173	Trần Kim Hưng	Mạc Thị Bưởi	10/6/1946	740.000	
174	Bùi Thị Lan	Nhân Lễ	10/5/1948	740.000	
175	Bùi Văn Nhượng	Trúc Khê	01/01/1950	740.000	
176	Trương Thị Lý	Nhân Lễ	15/8/1947	740.000	
177	Trần Phúc Yên	Đoàn Kết	05/10/1946	740.000	
178	Trần Thị Chỉnh	Thôn Đụn	01/01/1950	740.000	
179	Nguyễn Công Điều	Cẩm La	01/02/1948	740.000	
180	Hoàng Thị Lê	Cẩm La	01/7/1949	740.000	
181	Phạm Thị Năm	Đoàn Kết	10/11/1949	740.000	
182	Ngô Văn Khải	Đoàn Kết	06/04/1947	740.000	
183	Lê Văn Hách	Đồn Bối	06/01/1949	740.000	
184	Trần Thị Tưởng	Cẩm La	04/05/1950	740.000	
185	Nguyễn Thị Hà	Nham Cáp	01/01/1950	740.000	
186	Vũ Thị Miên	Nham Cáp	01/01/1950	740.000	
187	Nguyễn Thị Hợp	Thôn Đụn	10/3/1946	740.000	
188	Nguyễn Văn Ban	Nham Cáp	01/01/1950	740.000	
189	Nguyễn Thị Nở	Thôn Đụn	17/9/1949	740.000	
190	Nguyễn Tuấn Khang	Thôn Đụn	06/10/1945	740.000	
191	Lê Thị Oanh	Thôn Đụn	15/02/1946	740.000	
192	Ngô Thị Doanh	Nham Cáp	01/01/1947	740.000	
193	Hoàng Thị Loan	Đoàn Kết	14/11/1947	740.000	
194	Trần Văn Chịch	Nhân Lễ	21/01/1949	740.000	
195	Nguyễn Thị Bảo	Nhân Lễ	01/01/1947	740.000	
196	Tô Văn Si	Nguyễn Quốc Trị	01/03/1948	740.000	
197	Nguyễn Trọng Đức	Nguyễn Quốc Trị	10/06/1948	740.000	
198	Nguyễn Thị Đam	Đoàn Kết	18/04/1950	740.000	
199	Vương Thị Luyện	Đoàn Kết	03/02/1949	740.000	
200	Nguyễn Như Thục	Đụn	01/01/1949	740.000	
201	Lê Văn Kinh	La Xuyên	10/10/1948	740.000	
202	Đinh Thị Liên	La Xuyên	02/06/1950	740.000	
203	Lê Xuân Thiện	La Xuyên	01/10/1947	740.000	
204	Nguyễn Thị Bé	Đoàn Kết	01/01/1949	740.000	

STT	Họ và tên	Thôn	Ngày tháng năm sinh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
205	Hoàng Văn Thân	Đồn Bối	01/01/1950	740.000	
206	Nguyễn Hữu Lùng	Đụn	17/06/1949	740.000	
207	Trần Thị Tỉnh	Nguyễn Quốc Trị	08/04/1947	740.000	
208	Nguyễn Đức Tám	Nguyễn Quốc Trị	15/07/1949	740.000	
209	Nguyễn Thị Thịnh	Đồn Bối	24/05/1947	740.000	
210	Trần Đắc Túc	Nhân Lễ	03/03/1949	740.000	
211	Nguyễn Thị Hợi	Đụn	15/08/1948	740.000	
212	Nguyễn Thị Sang	Đoàn Kết	17/02/1949	740.000	
213	Nguyễn Thị Đào	Nhân lễ	15/11/1948	740.000	
214	Lê Văn Thi	Đồn Bối	04/04/1948	740.000	
215	Hoàng Thị Sáng	Mạc Thị Bưởi	01/01/1946	740.000	
216	Hoàng Huy Trình	Vạn Tải Đông	01/06/1949	740.000	
217	Vũ Thị Nhật	Đồn Bối	01/01/1950	740.000	
218	Vũ Thị Nhật	Vạn Tải Đông	25/03/1950	740.000	
219	Nguyễn Huy Vạn	Vạn Tải Đông	01/01/1950	740.000	
220	Nguyễn Thị Nga	Vạn Tải Đông	15/03/1949	740.000	
221	Nguyễn Thị Bích	Vạn Tải Đông	12/08/1949	740.000	
222	Trần Thị Phong	Vạn Tải Đông	15/04/1948	740.000	
223	Vũ Thị Mơ	Đụn	26/05/1949	740.000	
224	Nguyễn Thị Gái	Đồn Bối	20/05/1950	740.000	
225	Đoàn Thị Dung	Đoàn Kết	20/08/1948	740.000	
226	Nguyễn Ngọc Vĩnh	Đoàn Kết	13/07/1948	740.000	
227	Trần Thị Tươm	Đồn Bối	01/01/1946	740.000	
228	Vương Thị Toan	Đoàn Kết	10/07/1950	740.000	
229	Nguyễn Thị Lái	Đồn Bối	10/07/1949	740.000	
230	Đỗ Huy Quảng	Vạn Tải Đông	02/02/1946	740.000	
231	Lê Quang Trung	La Xuyên	20/12/1948	740.000	
232	Nguyễn Thị Dựng	Nham Cáp	01/01/1946	740.000	
233	Phạm Thị Tiến	Hảo Quan	01/01/1949	740.000	
234	Phan Văn Tơ	Miếu Lãng	15/05/1950	740.000	
235	Phạm Văn Được	Miếu Lãng	10/10/1948	740.000	
236	Phùng Thanh Lãm	Miếu Lãng	17/06/1948	740.000	
237	Nguyễn Thị Sản	Miếu Lãng	01/01/1947	740.000	
238	Phan Thị Ngũ	Miếu Lãng	01/01/1947	740.000	
239	Nguyễn Thị Tuyết	Miếu Lãng	11/05/1947	740.000	
240	Phùng Thị Luyến	Miếu Lãng	01/01/1950	740.000	
241	Vương Thị Mỳ	Miếu Lãng	25/02/1948	740.000	
242	Mạc Thị Vinh	Miếu Lãng	01/01/1949	740.000	
243	Phạm Văn Nội	Miếu Lãng	04/07/1946	740.000	
244	Lê Thị Thồi	Miếu Lãng	10/05/1948	740.000	
245	Mạc Văn Dũng	Miếu Lãng	15/08/1948	740.000	
246	Vũ Thị Nga	Miếu Lãng	06/10/1949	740.000	
247	Đỗ Thị Thuận	Vạn Tải Đông	01/01/1949	740.000	
248	Nguyễn Thị Xui	Vạn Tải Đông	28/08/1947	740.000	
249	Nguyễn Thị Quang	Vạn Tải Đông	18/02/1950	740.000	

STT	Họ và tên	Thôn	Ngày tháng năm sinh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
250	Mạc Thị Lập	Miếu Lãng	15/05/1949	740.000	
251	Phan Văn Nga	Miếu Lãng	04/01/1948	740.000	
252	Phan Thi Mến	Miếu Lãng	25/07/1950	740.000	
253	Phạm Thị Sui	Đồn Bối	01/01/1948	740.000	
254	Nguyễn Thị Hòa	Vạn Tải Đông	17/02/1948	740.000	
255	Trần Thị Huệ	Hoàng Hanh	10/8/1948	740.000	
256	Đỗ Xuân Quy	Đông Phan	10/10/1946	740.000	
257	Lê Hồng Thỏa	Đông Phan	13/07/1950	740.000	
258	Lê Văn Tòng	Đông Phan	10/02/1947	740.000	
259	Lê Thị Số	Đông Phan	10/08/1948	740.000	
260	Đào Văn Hùng	Đông Phan	18/05/1948	740.000	
261	Mạc Thị Vẽ	Đông Phan	09/01/1949	740.000	
262	Trịnh Thị Tý	Đông Phan	09/03/1945	740.000	
263	Phan Thị Hoa	Đông Phan	30/12/1948	740.000	
264	Đào Thị Cám	Đông Phan	05/01/1946	740.000	
265	Lê Thị Nhớn	Đông Phan	18/03/1949	740.000	
266	Phạm Thị Vụ	Đông Phan	08/10/1949	740.000	
267	Nguyễn Thị Sen	Đông Phan	10/03/1949	740.000	
268	Đào Thị Lanh	Đông Phan	06/03/1950	740.000	
269	Trần Văn Thường	Đông Phan	21/07/1946	740.000	
270	Trần Văn Hiên	Đông Phan	23/03/1950	740.000	
271	Ứng Thị Cam	Đông Phan	20/04/1950	740.000	
272	Ngô Đức Thanh	Đông Phan	20/10/1948	740.000	
273	Phạm Thị Thủy	Đông Phan	21/07/1950	740.000	
274	Phạm Thị Thức	Đông Phan	01/01/1948	740.000	
275	Đào Đình Hoán	Đông Phan	19/05/1950	740.000	
276	Trần Thị Cấp	Đông Phan	14/07/1949	740.000	
277	Nhữ Thị Lành	Đoàn Kết	01/01/1947	740.000	
278	Nguyễn Thị Đong	Đông Phan	01/08/1950	740.000	
279	Nguyễn Thị Phấn	Đồn Bối	08/04/1949	740.000	
280	Vũ Đoàn Khoa	Nguyễn Văn Trỗi	22/12/1945	740.000	
281	Nguyễn Thị Sơn	Nguyễn Văn Trỗi	15/01/1950	740.000	
282	Nguyễn Thị Luyến	Nam Khê	15/01/1947	740.000	
283	Trần Đình Thủy	Đoàn Kết	12/04/1950	740.000	
284	Vũ Thị Thúy	Mạc Thị Bưởi	01/09/1947	740.000	
285	Đỗ Thi Thương Thuyết	Phù Liễn	27/5/1950	740.000	
286	Đặng Thị Chuốt	Phù Liễn	02/8/1948	740.000	
287	Nguyễn Văn Kiến	Phù Liễn	20/7/1950	740.000	

STT	Họ và tên	Thôn	Ngày tháng năm sinh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
288	Phan Thị Sứu	Phù Liễn	01/01/1950	740.000	
289	Đỗ Thị Túc	Phù Liễn	15/7/1949	740.000	
290	Đoàn Văn Đồng	Phù Liễn	12/02/1947	740.000	
291	Nguyễn Thế Cương	Nhân Đào	15/05/1948	740.000	
292	Mạc Văn Mậu	Đông Phan	02/02/1946	740.000	
293	Nguyễn Thị Nháng	Phù Liễn	23/08/1946	740.000	
294	Nguyễn Hữu Chức	Đụn	01/01/1947	740.000	
295	Lê Thị Sinh	La Xuyên	20/6/1950	740.000	
296	Vũ Công Định	Đồn Bối	03/7/1945	740.000	
297	Đoàn Văn Khánh	Đồng Khê	04/6/1945	740.000	
298	Hoàng Thị Lan	Đoàn Kết	15/8/1945	740.000	
299	Nguyễn Ngọc Duy	Thượng Đáp	07/01/1950	740.000	
300	Đặng Văn Hiến	Phù Liễn	01/12/1945	740.000	
301	Lê Thị Uyên	Nhân Đào	10/4/1947	740.000	
302	Trần Đình Nền	Thượng Đáp	06/7/1945	740.000	
303	Nguyễn Thị Chuốt	Thượng Đáp	01/01/1947	740.000	
304	Nguyễn Duy Huy	Thượng Đáp	16/8/1950	740.000	
305	Vương Văn Cân	Miếu Lãng	16/8/1950	740.000	
306	Đặng Thị Miên	Đồn Bối	01/01/1950	740.000	
307	Bùi Thị Lực	Cầm La	10/8/1946	740.000	